

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc thanh tra chuyên đề về công tác quản lý thăm dò, khảo sát, quy hoạch, cấp phép, khai thác, vận chuyển đối với các mỏ vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

Thực hiện Quyết định thanh tra số 15/QĐ-TT, ngày 05/3/2025 của Chánh Thanh tra tỉnh Vĩnh Long, từ ngày 14/3/2025 đến ngày 19/5/2025, Đoàn thanh tra theo Quyết định thanh tra số 15/QĐ-TT, ngày 05/3/2025 đã tiến hành thanh tra tại Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên khoáng sản.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 02/BC-ĐTT ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra tỉnh kết luận thanh tra như sau:

1. Khái quát chung.

- Tỉnh Vĩnh Long thuộc dạng địa hình đồng bằng, tương đối bằng phẳng. Địa thế của tỉnh trải rộng dọc Sông Tiền, sông Cổ Chiên và Sông Hậu, tiểu địa hình có dạng lòng chảo ở giữa trung tâm tỉnh và cao dần về hướng bờ Sông Tiền, Sông Hậu, sông Măng Thít và ven các sông rạch lớn khác. Theo kết quả bản đồ địa hình tỉnh Vĩnh Long năm 2012, cho thấy cao trình tuyệt đối nhỏ hơn 1,0 m so với mực nước biển chiếm 21,03% diện tích đất, cao trình nhỏ hơn 1,6 m chiếm 94,22% diện tích đất (Không bao gồm diện tích sông rạch và mặt nước chuyên dùng).

- Trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long tài nguyên khoáng sản chủ yếu thuộc nhóm vật liệu xây dựng thông thường là cát lòng sông và đất sét.

+ Về tài nguyên cát lòng sông tập trung chủ yếu 03 tuyến sông lớn đi qua địa phận Vĩnh Long, với tổng chiều dài từng sông, như sau: sông Tiền 12km, sông Hậu 37km và sông Cổ Chiên 42km. Nguồn cát sông này chủ yếu sử dụng cho mục đích san lấp để xây dựng công trình của tỉnh.

+ Về trữ lượng cát sông trên địa bàn tỉnh: Theo kết quả điều chỉnh quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng cát lòng sông giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long được phê duyệt tại Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 tổng tài nguyên cấp 122 ước 36.627.761 m³.

+ Về tài nguyên đất sét trên địa bàn tỉnh nằm rải rác, phân tán dưới lớp đất nông nghiệp (ruộng) với chiều dày tầng sét nhỏ, chủ yếu là tận thu sản phẩm đất sét kết hợp cải tạo mặt bằng đất nông nghiệp. Từ tình hình thực tế đó, năm 2013 UBND tỉnh đã ban hành văn bản (Công văn số 1991/UBND-KTN ngày 15/7/2013) giao UBND cấp huyện thực hiện quản lý Nhà nước nguồn tài nguyên sét trên địa bàn huyện.

2. Kết quả kiểm tra, xác minh.

2.1. Tình hình ban hành văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản hành chính để quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện.

2.1.1 Việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật:

- Ban hành trước thời kỳ thanh tra (từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/6/2024) nhưng có hiệu lực liên quan đến thời kỳ này: 03 văn bản, cụ thể:

+ Quyết định số 20/2017/QĐ-UBND ngày 15/8/2017 của UBND tỉnh Vĩnh Long về ban hành giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, có hiệu lực thi



hành từ ngày 30/8/2017 đến hiện nay.

+ Nghị quyết số 124/2018/NQ-HĐND ngày 06/07/2018 của HĐND tỉnh Vĩnh Long về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long có hiệu lực thi hành từ ngày 16/07/2018 đến ngày 22/12/2023.

+ Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 của UBND tỉnh Vĩnh Long về Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng cát lòng sông trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2030 có hiệu lực thi hành từ ngày 28/08/2018 đến hiện nay.

- Ban hành trong thời kỳ thanh tra: 01 văn bản, cụ thể: Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 12/12/2023 của HĐND tỉnh Vĩnh Long về quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

2.1.2. Việc ban hành các văn bản hành chính để quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long đã tham mưu UBND tỉnh ban hành 17 văn bản hành chính để quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện nhằm tăng cường công tác quản lý hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

(Kèm biểu 01-VB)

2.2. Việc phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản VLXD; khoanh định, phê duyệt khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản VLXD.

2.2.1. Quyết định đã ban hành trước thời kỳ thanh tra, nhưng có hiệu lực liên quan đến thời kỳ thanh tra:

- Theo số liệu báo cáo, trong năm 2018 tỉnh Vĩnh Long đã thực hiện việc phê duyệt quy hoạch điều chỉnh về thăm dò, khai thác, sử dụng Khoáng sản VLXD; Khoanh định, phê duyệt khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030, cụ thể như:

+ Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 01/02/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc thông qua điều chỉnh Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng cát lòng sông trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

+ Quyết định số 914/QĐ-UBND, ngày 15/5/2018 phê duyệt và công bố 19 khu vực thuộc vùng cấm hoạt động khoáng sản khai thác cát trên các tuyến sông địa bàn trong tỉnh với tổng diện tích 3.988 ha, tổng trữ lượng là 12.926.613 m³ (Công văn số 486/TTg-CN ngày 13/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ủy quyền cho tỉnh Vĩnh Long phê duyệt khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh).

+ Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng cát lòng sông trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định số 914/QĐ-UBND, ngày 15/5/2018 và Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND, ngày 10/8/2018 ban hành trước thời kỳ thanh tra nên không thanh tra trình tự ban hành đối với 02 Quyết định này.

2.2.2. Quyết định đã ban hành trong thời kỳ thanh tra.

- Theo báo cáo của đơn vị, trong thời kỳ thanh tra tỉnh Vĩnh Long không có ban hành quyết định quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng Khoáng sản VLXD; khoanh định, phê duyệt khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản VLXD, mà tiếp tục sử dụng quy hoạch tại Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 10/8/2018, đơn vị căn cứ vào quy định tại khoản 4 Điều 33 Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của

Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông và điểm d
khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15, ngày 16/6/2022 về tiếp tục tăng cường
hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo
gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời
kỳ 2021 – 2030;

+ Ngày 31/12/2023 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1759/QĐ-
TTg về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Vĩnh Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm
2050, theo đó lĩnh vực khoáng sản đã được tích hợp vào Quy hoạch này. Ngày
30/01/2024 UBND tỉnh Vĩnh Long đã ban hành Công văn số 622/UBND-KTNV về việc
Chủ trương lập Đề cương nhiệm vụ Đề án: “Đánh giá, thăm dò trữ lượng cát lòng sông
giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Khoanh định khu vực cấm hoạt động
khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long”. Ngày 27/12/2024, Sở Tài nguyên và
Môi trường lập Tờ trình số 5394/TTr-STNMT về việc phê duyệt Đề cương nhiệm vụ Đề
án và được UBND tỉnh phê duyệt Đề cương nhiệm vụ Đề án, tại Quyết định số 197/QĐ-
UBND, ngày 11/02/2025.

+ Ngày 29/4/2025 Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định số
801/QĐ-UBND về việc kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhiệm vụ đánh giá, thăm dò trữ
lượng cát lòng sông giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Khoanh định khu
vực cấm hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

2.3. Việc cấp giấy phép và tình hình thực hiện theo giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản; cấp phép gia hạn, nâng công suất khai thác.

2.3.1. Việc cấp giấy phép thăm dò khoáng sản:

Theo số liệu báo cáo, trong thời kỳ thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường (nay
là Sở Nông nghiệp và Môi trường gọi tắt là Sở) tham mưu UBND tỉnh cấp 08 giấy phép
thăm dò khoáng sản cát lòng sông (kèm Biểu số 02-GPTD). Qua thanh tra hồ sơ 08/08
giấy phép thăm dò khoáng sản, kết quả như sau:

* Đối với 03 giấy phép thăm dò phục vụ cao tốc (GP số 2282/GP-UBND ngày
09/10/2023; GP số 2544/GP-UBND ngày 10/11/2023; GP số 2753/GP-UBND ngày
05/12/2023) của 02 tổ chức (Công ty Cổ phần xây dựng và lắp máy Trung Nam; Công ty
Cổ phần Đầu tư xây dựng và Kỹ thuật VNCN E&C), thực hiện theo các Nghị quyết,
Công điện, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi
trường.

* Đối với 05 giấy phép thăm dò (GP số 1316/GP-UBND, ngày 31/5/2019; GP số
1804/GP-UBND, ngày 08/7/2019; GP số 1805/GP-UBND, ngày 08/7/2019; GP số
1520/GP-UBND, ngày 18/6/2020; GP số 2631/GP - UBND ngày 14/12/2022) của 05 tổ
chức (Công ty TNHH Tân Phước Thành; DNTN Thanh Thắng; Công ty TNHH Ngọc
Sen Hương; Công ty TNHH Thành Tân Vĩnh Long; Công ty TNHH xây dựng Thanh
Lâm chi nhánh Vĩnh Long). Qua thanh tra, kết quả:

- Việc lựa chọn tổ chức thăm dò khoáng sản: 05 tổ chức có đơn đề nghị cấp
phép thăm dò khoáng sản và được Sở tham mưu UBND tỉnh lựa chọn.

- Nguyên tắc và điều kiện cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản: 05 tổ chức có
các điều kiện theo quy định.

- Hồ sơ cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản: Đối với 05 Giấy phép thăm dò
khoáng sản bao gồm: Đơn đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản; Bản đồ khu vực
thăm dò khoáng sản; Đề án thăm dò khoáng sản (Bản chính); bản sao giấy chứng nhận
đăng ký kinh doanh; Bản sao Báo cáo tài chính của năm gần nhất.

- Trình tự thực hiện thủ tục cấp giấy phép thăm dò: Khi nhận được hồ sơ của
05 tổ chức có nhu cầu thăm dò khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ (Sở Tài nguyên và

Môi trường) có thông báo công khai tổ chức nộp hồ sơ đề nghị cấp phép thăm dò khoáng sản cát dòng sông gửi Ban biên tập Cổng thông tin điện tử tỉnh Vĩnh Long để đăng tải, thời gian 30 ngày. Hết thời gian, Sở ban hành thông báo về việc lựa chọn tổ chức đề cấp phép thăm dò khoáng sản cát sông. Tuy nhiên, Sở không thực hiện thông báo công khai tên tổ chức, cá nhân, tên loại khoáng sản và vị trí khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản của 05/05 hồ sơ trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo đấu thầu.

- Thẩm quyền cấp phép: 08/08 giấy phép do UBND tỉnh cấp theo quy định.

* Phê duyệt trữ lượng:

- Có 05/08 Giấy phép thăm dò được UBND tỉnh phê duyệt trữ lượng (Công ty TNHH Tân Phước Thành; Công ty TNHH Ngọc Sen Hương; Công ty Cổ phần xây dựng và lắp máy Trung Nam; Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Kỹ thuật VNCN E&C); 03/08 Giấy phép thăm dò, UBND tỉnh không ban hành quyết định phê duyệt trữ lượng, trong đó:

+ Giấy phép số 1804/GP-UBND ngày 08/7/2019, DNTN Thanh Thắng không tổ chức thăm dò do thực hiện theo Công văn số 2524/QĐ-UBND, ngày 21/5/2021 của UBND tỉnh về việc chủ trương tạm dừng việc cấp phép khu vực mỏ Vàm Vững Liêm 6.

+ 02 Giấy phép thăm dò (GP số 1520/GP-UBND ngày 18/6/2020, Công ty TNHH Thành Tân Vĩnh Long; GP số 2631/GP-UBND ngày 14/12/2022, Công ty TNHH xây dựng Thanh Lâm chi nhánh Vĩnh Long), UBND tỉnh không ban hành quyết định phê duyệt trữ lượng (do thực hiện theo Công văn số 4982/UBND-KTNV, ngày 08/9/2023 của UBND tỉnh về việc tạm dừng chủ trương, thăm dò, cấp phép, gia hạn giấy phép khai thác cát sông và Thông báo số 59/TB-UBND, ngày 06/6/2022 của UBND tỉnh Thông báo kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp thống nhất giải pháp quản lý, cấp giấy phép khai thác khoáng sản cát sông).

2.3.2. Việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản; cấp giấy phép gia hạn, nâng công suất khai thác.

Trong thời kỳ thanh tra, UBND tỉnh Vĩnh Long đã cấp 02 giấy phép khai thác khoáng sản; 03 Bản xác nhận (phục vụ cao tốc) và cấp 20 giấy phép khai thác khoáng sản gia hạn của 19 giấy phép (có 01 giấy phép trong thời kỳ thanh tra được gia hạn 02 lần). Trong đó 15/19 giấy phép gia hạn hết thời hạn trong năm 2022; 04/19 giấy phép gia hạn hết thời hạn trong năm 2023. Trong năm 2023, UBND tỉnh tạm dừng chủ trương thăm dò, cấp phép, cấp phép gia hạn giấy phép khai thác cát công theo Công văn số 4982/UBND-KTNV, ngày 08/9/2023. Thực hiện theo Kết luận số 1914-KL/TU ngày 04/01/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về quản lý, cung cấp cát phục vụ dự án cao tốc và công trình trong tỉnh, Sở tiếp tục tham mưu UBND tỉnh cấp phép gia hạn, cụ thể sau ngày 30/6/2024 cấp 08/19 giấy phép gia hạn, đang xem xét gia hạn 04/19 giấy phép, 07/19 giấy phép tổ chức ngưng hoạt động khai thác, đang lập thủ tục để đóng cửa mỏ (Kèm Biểu 03- Giấy phép), cụ thể như sau:

2.3.2.1. Đối với 02 giấy phép khai thác khoáng sản:

* Giấy phép khai thác khoáng sản số 850/GP-UBND, ngày 03/4/2020 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Tân Phước Thành khai thác cát lòng sông tại Mỏ Mỹ Hoà - thuộc xã Mỹ Hoà, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long và Giấy phép khai thác khoáng sản số 1506/GP-UBND, ngày 17/6/2020 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Ngọc Sen Hương khai thác cát lòng sông tại Mỏ Vàm Vững Liêm 5 - xã Thanh Bình huyện Vũng Liêm.

* Qua kiểm tra hồ sơ, thủ tục cấp giấy phép khai thác khoáng sản, kết quả như sau:

- Về điều kiện cấp giấy phép: Công ty được cấp giấy phép đủ điều kiện cấp phép theo quy định, cụ thể: Có dự án đầu tư khai thác khoáng sản ở khu vực đã thăm dò,

có Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng, Báo cáo đánh giá tác động môi trường...

- Về hồ sơ cấp giấy phép: Đơn đề nghị cấp giấy khai thác khoáng sản; Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản; Quyết định phê duyệt trữ lượng; Quyết định phê duyệt Dự án đầu tư khai thác khoáng sản; Bản sao giấy chứng nhận đầu tư; Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Báo cáo đánh giá tác động môi trường thực hiện theo quy định.

- Về thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản: UBND tỉnh cấp giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định.

- Về báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản: Hàng năm 02 tổ chức được cấp phép hoạt động khai thác khoáng sản có thực hiện báo cáo định kỳ kết quả hoạt động khai thác khoáng sản theo quy định.

- Về nội dung trên giấy phép: Tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản; Loại khoáng sản, địa điểm, diện tích khu vực khai thác khoáng sản; Trữ lượng, công suất khai thác, phương pháp khai thác; Thời gian khai thác; Nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ khác có liên quan thực hiện theo quy định. Tuy nhiên, 02/02 giấy phép khai thác khoáng sản cát lòng sông không xác định cát khai thác cung cấp cho công trình sử dụng ngân sách nhà nước (phát triển hạ tầng giao thông; công trình thủy lợi, thủy điện); công trình khắc phục thiên tai, địch họa; khu vực có khoáng sản dùng làm vật liệu san lấp phục vụ công trình hạ tầng giao thông, công trình phúc lợi thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới theo quy định điểm d khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP, ngày 29/11/2006 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản (Nghị định số 158/2016/NĐ-CP).

- Tình hình khai thác khoáng sản:

+ Công ty TNHH Tân Phước Thành khai thác cát lòng sông tại khu vực Mỏ Mỹ Hoà (Giấy phép khai thác khoáng sản số 850/GP-UBND, ngày 03/4/2020). Theo bản cam kết của Công ty về việc thăm dò, khai thác cát số 09/BCK-TPT, ngày 05/3/2018 có nội dung cam kết “ Sản phẩm khai thác cát mục đích chủ yếu để phục vụ san lấp các công trình trong tỉnh Vĩnh Long (kể cả công trình dân dụng trên địa bàn tỉnh)” và đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản ngày 25/4/2020 có nội dung “Mục đích sử dụng khoáng sản phục vụ san lấp các công trình địa phương và trong tỉnh”. Theo báo cáo sản lượng khai thác khai thác cát của công ty từ năm 2020 đến tháng 6/2024: 97.852 m³.

+ Công ty TNHH Ngọc Sen Hương khai thác cát lòng sông tại Mỏ Vàm Vững Liêm 5 (Giấy phép khai thác khoáng sản số 1506/GP-UBND, ngày 17/6/2020): Công ty được cấp phép khai thác cát lòng sông kể từ ngày 17/6/2020 nhưng đến ngày 01/10/2023 mới tiến hành khai thác cát. Nguyên nhân có một số hộ dân ngăn cản không cho khai thác. Sở đã báo cáo UBND tỉnh tại báo cáo số 739/BC-STNMT, ngày 12/3/2021 về kết quả rà soát quy trình cấp phép khai thác và thông tin phản ánh của người dân đối với hoạt động khai thác cát sông tại khu vực mỏ Vàm Vững Liêm 5 (báo cáo theo Công văn số 840/UBND-KTNV ngày 01/3/2021 của UBND tỉnh). Ngày 04/5/2021 UBND tỉnh có Công văn số 2054/UBND-KTNV chủ trương giải quyết nội dung phản ánh của tập thể người dân ấp Thông Lưu, xã Thanh Bình huyện Vũng Liêm đối với việc khai thác cát sông của Công ty TNHH Ngọc Sen Hương tại huyện Vũng Liêm. Theo báo cáo của công ty tổng sản lượng khai thác cát từ tháng 10/2023 đến tháng 2/2024 là 55.732 m³, cát khai thác cung cấp cho công trình cao tốc (thực hiện theo chủ trương của UBND tỉnh tại Công văn số 6381/UBND-KTNV, ngày 09/11/2023 cho Công ty hoạt động khai thác cát lòng sông cung cấp cho Công ty Cổ phần Hải Đăng theo hợp đồng số 26.09.2023.HĐ-KT, ngày 15/10/2023, khối lượng 500.000 m³ để phục vụ dự án thành phần đoạn Cần Thơ - Hậu Giang và Hậu Giang – Cà Mau thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ Cao tốc Bắc nam phía Đông giai đoạn 2021- 2025).

2.3.2.2. Đối với 03 Bản xác nhận khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị, kế hoạch và bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường cung cấp cho Dự án đường bộ cao tốc (Bản xác nhận):

* Bản xác nhận số 01/XN-UBND ngày 24/01/2024 của UBND tỉnh (Mỏ khoáng sản cát lòng sông Hậu (nhánh trái), thuộc xã Thiện Mỹ và xã Lục Sĩ Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long) cấp cho công ty Cổ phần Xây dựng và Lắp máy Trung Nam; Bản xác nhận số 02/XN-UBND, ngày 29/01/2024 của UBND tỉnh (Mỏ khoáng sản cát lòng sông Hậu (nhánh trái), thuộc thị trấn Trà Ôn, xã Lục Sĩ Thành và xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn) cấp cho công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật VNCN E&C và Bản xác nhận số 03/XN-UBND, ngày 07/02/2024 của UBND tỉnh (Mỏ khoáng sản cát lòng sông Hậu (nhánh trái), thuộc xã Tích Thiện và xã Lục Sĩ Thành, huyện Trà Ôn) cấp cho công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật VNCN E&C.

* Qua kiểm tra 03 Bản xác nhận, kết quả như sau:

- Về điều kiện cấp Bản xác nhận, căn cứ vào Nghị quyết của Quốc hội, Công điện của Thủ tướng Chính phủ, Thông báo của Văn phòng Chính phủ.¹

- Về hồ sơ cấp Bản xác nhận: Bản đăng ký, Bản xác nhận thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Về nội dung Bản xác nhận: Tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản; Loại khoáng sản, địa điểm, diện tích khu vực khai thác khoáng sản; Trữ lượng, công suất khai thác, phương pháp khai thác; Thời gian khai thác; Nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ khác có liên quan, thực hiện theo quy định.

- Về thẩm quyền cấp Bản xác nhận: UBND tỉnh cấp theo quy định.

2.3.2.3. Đối với 20 giấy phép khai thác khoáng sản gia hạn (Giấy phép gia hạn):

- Trong thời kỳ thanh tra, Sở tham mưu UBND tỉnh cấp 20 giấy phép khai thác khoáng sản gia hạn của 19 giấy phép khai thác khoáng sản được cấp trước thời kỳ thanh tra (trong đó có 12/19 giấy phép cấp trước ngày Luật Khoáng sản năm 2010 có hiệu lực; 07/19 giấy phép cấp sau ngày Luật Khoáng sản năm 2010 có hiệu lực), Thanh tra không kiểm tra về trình tự thủ tục cấp phép, chỉ kiểm tra về trình tự thủ tục cấp giấy phép gia hạn trong thời kỳ thanh tra, qua thanh tra kết quả như sau:

+ Trình tự, thủ tục hồ sơ đề nghị gia hạn (20/20 giấy phép khai thác khoáng sản gia hạn) thực hiện theo quy định. Tuy nhiên tại khu vực khai thác của 20/20 giấy phép khai thác khoáng sản gia hạn được UBND tỉnh Quyết định phê duyệt khu vực

¹ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025.

Công điện số 57/CĐ-TTg ngày 19/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phân công giải quyết vướng mắc, kiến nghị liên quan đến đầu tư, xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng giao thông trong chuyến kiểm tra từ ngày 25 đến ngày 29 tháng 01 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ.

Thông báo số 175/TB-VPCP ngày 11/5/2023 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính - Trưởng Ban Chỉ đạo tại Phiên họp lần thứ 5 Ban Chỉ đạo Nhà nước các công trình, dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành giao thông vận tải.

Công điện số 6492/BGTVT-CQLXD ngày 20/6/2023 của Bộ Giao thông Vận tải về việc giới thiệu đơn vị đầu mối đại diện các Nhà thầu thi công để thực hiện các thủ tục khai thác mỏ vật liệu cát đắp nền đường cho Dự án thành phần đoạn Cần Thơ – Hậu Giang và Hậu Giang – Cà Mau.

Công điện số 573/CĐ-TTg ngày 21/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tháo gỡ các khó khăn vướng mắc liên quan đến khai thác, cung ứng vật liệu xây dựng thông thường cho Dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025.

không đấu giá quyền khai thác khoáng sản, nhưng không xác định phục vụ riêng cho công trình sử dụng ngân sách nhà nước (phát triển hạ tầng giao thông; công trình thủy lợi, thủy điện); công trình khắc phục thiên tai, dịch họa; khu vực có khoáng sản dùng làm vật liệu san lấp phục vụ công trình hạ tầng giao thông, công trình phúc lợi thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP. Có 04/20 đơn đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản của tổ chức khai thác có nội dung cam đoan phục vụ san lấp công trình có vốn ngân sách²; 16/20 đơn không có nội dung cam đoan phục vụ san lấp các công trình có vốn ngân sách³. Qua kiểm tra số liệu theo báo cáo chi tiết sản lượng khai thác cát của tổ chức, có 19/20 phép gia hạn tổ chức khai thác có ký hợp đồng cung cấp cát san lấp cho các công trình không thuộc vốn ngân sách, bán lẻ trong và ngoài tỉnh. (Kèm Biểu 04-Sản lượng)

+ Tại Điều 3 trong giấy phép khai thác khoáng sản gia hạn có nội dung “Định kỳ 6 tháng 1 lần kể từ ngày UBND tỉnh cấp phép gia hạn cho tổ chức, phải bổ sung cho Sở Tài nguyên và Môi trường hợp đồng cung cấp cát san lấp trong kỳ”. Tuy nhiên Sở thiếu theo dõi, rà soát, đối chiếu sản lượng khai thác thực tế mà công ty báo cáo so với hợp đồng đã cung cấp cho Sở theo định kỳ, để kịp thời phát hiện tổ chức khai thác cung cấp cát không đúng theo quy định.

+ 03/09 giấy phép khai thác khoáng sản gia hạn hết thời hạn khai thác trong năm 2020 (DNTN Huỳnh Phát; Công ty TNHH MTV Trương Đức Huy; Công ty CP ĐTXD Nguyễn Tòng), nhưng đến năm 2022 mới được cấp giấy phép khai thác khoáng sản gia hạn, thời gian gia hạn chậm so với quy định.

+ Đối với 12/19 giấy phép cấp trước ngày Luật Khoáng sản năm 2010 có hiệu lực, theo quy định của Luật Khoáng sản năm 2010 thì được tiếp tục thực hiện đến hết thời hạn quy định trong giấy phép. Như vậy, sau khi hết thời hạn trong giấy phép đã cấp thì Sở phải tham mưu UBND tỉnh rà soát để khoanh định khu vực đấu giá hoặc không đấu giá quyền khai thác cát theo quy định, trường hợp tiếp tục khoanh định là khu vực không đấu giá thì khi cấp phép cần xác định khai thác để phục vụ cho công trình theo quy định tại khoản 5 Điều 12 Nghị định 15/2012/NĐ-CP và điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định 158/2016/NĐ-CP. Tuy nhiên Sở tham mưu UBND tỉnh tiếp tục cấp giấy phép khai thác khoáng sản gia hạn là không đúng quy định.

2.4. Việc tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản VLXD.

2.4.1. Việc phê duyệt, quyết định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với Khoáng sản VLXD.

*** Quyết định đã ban hành trước thời kỳ thanh tra, nhưng có hiệu lực liên quan đến thời kỳ thanh tra.**

- Theo đề nghị của Giám đốc Sở tại Tờ trình số 2806/TTr-STNMT, ngày 24/7/2018, UBND tỉnh ban hành quyết định số 10/2018/QĐ-UBND, ngày 10/8/2018. Theo đó Khu vực quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng cát lòng sông đến năm 2025:

² Cam đoan phục vụ san lấp các công trình trong tỉnh và công trình có vốn ngân sách, cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

³ 01/20 đơn phục vụ công trình giao thông nông thôn và cơ sở hạ tầng trong tỉnh, cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan; 01/20 đơn phục vụ các công trình đã cam kết, cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan; 03/20 đơn phục vụ các công trình dân dụng công nghiệp trọng điểm, cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan; 01/20 đơn phục vụ san lấp các công trình nhà nước trong tỉnh và công trình dân dụng khác trong và ngoài tỉnh, cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan; 10/20 đơn giấy phép hết hạn, cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

32 khu vực, trong đó có 10 khu vực quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng cát lòng sông trong giai đoạn này và 22 khu vực khoáng sản đã được cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản hoặc có chủ trương chấp thuận thăm dò, khai thác của UBND tỉnh trong giai đoạn 2016-2020 của điều chỉnh quy hoạch lần này; tổng diện tích: 2.465,3 ha; tổng trữ lượng và tài nguyên: 5.350.735 m³ cấp 122 và 58.641.595 m³ cấp 333; thuộc tiêu chí khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Quyết định này đã được ban hành trước thời kỳ thanh tra nên không thanh tra việc ban hành Quyết định này.

* Quyết định ban hành trong thời kỳ thanh tra.

- Theo số liệu báo cáo, trong thời kỳ thanh tra Sở đã tham mưu UBND tỉnh ban hành 05 quyết định phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh (có 03/05 Quyết định phê duyệt phục vụ cho cao tốc), cụ thể:

+ Quyết định số 1135/QĐ-UBND, ngày 12/5/2020 của UBND tỉnh (Công ty TNHH MTV Thành Tân Vĩnh Long).

+ Quyết định số 1680/QĐ-UBND, ngày 22/8/2022 của UBND tỉnh (Công ty TNHH Xây dựng Thanh Lâm chi nhánh Vĩnh Long và Công ty Cổ phần xây dựng và lắp máy Trung Nam).

+ Quyết định số 2658/QĐ-UBND, ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh.

+ Quyết định số 2300/QĐ-UBND, ngày 11/10/2023 của UBND tỉnh (Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật VNCN E&C).

+ Quyết định số 2595/QĐ-UBND, ngày 16/11/2023 của UBND tỉnh (Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật VNCN E&C).

- Qua thanh tra kết quả: Có 02 giấy phép thăm dò (GP số 1804/GP-UBND ngày 08/7/2019 đối với DNTN Thạnh Thắng; GP số 1805/GP-UBND ngày 08/7/2019 đối với Công ty TNHH Ngọc Sen Hương) được cấp không qua đấu giá, đồng thời trình tự thực hiện thủ tục cấp phép thăm dò khoáng sản áp dụng việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản nhưng tại khu vực thăm dò khoáng sản không được UBND tỉnh phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

(kèm Biểu số 05 – PDKV)

2.4.2. Việc tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản:

- Theo báo cáo của Sở, trong thời kỳ thanh tra, trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long không có tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản, chỉ có 02 giấy phép khai thác khoáng sản được cấp không qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản, 03 Bảng xác nhận (phục vụ cao tốc) và 20 giấy phép khai thác khoáng sản gia hạn.

- Do 20 giấy phép khai thác khoáng sản gia hạn đã được cấp giấy phép khai thác trước thời kỳ thanh tra, đồng thời đã được Thanh tra Chính phủ thanh tra (Quyết định số 612/QĐ-TTTP, ngày 04/11/2021) và có Kết luận thanh tra số 56/KL-TTTP, ngày 03/3/2025, 03 Bảng xác nhận (phục vụ cao tốc). Thanh tra chỉ thanh tra việc tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với 02 giấy phép khai thác được cấp trong thời kỳ thanh tra (không thanh tra đối với giấy phép ngoài thời kỳ thanh tra), qua thanh tra kết quả:

+ 01/02 Giấy phép khai thác khoáng sản (GP số 850/GP-UBND ngày 03/4/2020, công ty TNHH Tân Phước Thành) tại khu vực cấp phép được UBND tỉnh quyết định phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản (QĐ số 2206/QĐ-UBND, ngày 18/10/2018).

+ 01/02 Giấy phép khai thác khoáng sản (GP số 1506/GP-UBND ngày 17/6/2020 cấp cho Công ty TNHH Ngọc Sen Hương) tại khu vực khai thác thuộc khu

vực theo Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 10/8/2018, tuy nhiên tại khu vực cấp phép không có Quyết định phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản là không đúng theo quy định.

2.5. Việc quản lý hoạt động khai thác tại các mỏ khoáng sản VLXD, quản lý hoạt động vận chuyển khoáng sản VLXD trên địa bàn.

2.5.1. Việc quản lý hoạt động khai thác, vận chuyển khoáng sản (cát lòng sông) theo Giấy phép đã cấp:

- Sở tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định cấp phép quy định rõ về thời hạn khai thác (thời gian hoạt động của dự án), thời gian khai thác trong ngày (đối với mỏ cao tốc), độ sâu khai thác, trách nhiệm của tổ chức được cấp phép khai thác,... Sau khi được UBND tỉnh cấp phép, Sở đề nghị tổ chức được cấp phép phải thực hiện đúng theo Giấy phép, nộp hồ sơ kết quả thực hiện cho Sở để giám sát như: Thực hiện nghĩa vụ tài chính, đóng cọc giám sát đường bờ, thả phao theo phương án an toàn giao thông, bàn giao khu vực mỏ, lắp đặt thiết bị giám sát hành trình và lưu trữ dữ liệu, thông tin về vị trí, hành trình di chuyển của phương tiện, thiết bị sử dụng để khai thác, vận chuyển cát (nhất là các mỏ cung cấp cho cao tốc, gia hạn cung cấp cho Vành đai 3 cấp từ năm 2024 cho đến nay).

- Sở tham mưu quản lý Nhà nước về khoáng sản thông qua công tác kiểm tra định kỳ việc chấp hành quy định pháp luật về khoáng sản (thời hạn, sản lượng, công suất, việc thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường, an toàn lao động, việc thực hiện nghĩa vụ tài chính,...).

- Việc lắp đặt thiết bị giám sát hành trình phương tiện khai thác, vận chuyển: Từ trước ngày 01/01/2019 đến ngày 07/11/2019, Tổng cục Địa chất Khoáng sản đã xác định Sở chưa có văn bản đề nghị các tổ chức được cấp phép lắp đặt camera giám sát hoạt động khai thác tại Công văn số 2959/ĐCKS-KSMN, ngày 08/11/2019, gửi UBND tỉnh Vĩnh Long⁴ và Công văn số 3200/ĐCKS-KSMN, ngày 21/10/2022 Tổng cục Địa chất Khoáng sản⁵. Sau khi có 02 văn bản nêu trên, Sở có ban hành Công văn số 4402/STNMT, ngày 19/11/2019 và Công văn số 4183/STNMT, ngày 13/10/2022 về việc yêu cầu các tổ chức phải lắp đặt thiết bị giám sát theo quy định; Việc lắp đặt thiết bị giám sát hành trình phương tiện khai thác, vận chuyển, đối với các mỏ gia hạn cung cấp cho Vành đai 3, cao tốc cấp từ năm 2024, đã được quy định tại Giấy phép và Bản xác nhận.

- Sở theo dõi về sản lượng, công suất khai thác thông qua báo cáo định kỳ hằng năm của tổ chức được cấp phép và tham mưu thực hiện báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; báo cáo tình hình quản lý nhà nước về khoáng sản theo quy định. Thực hiện giám sát, chứng kiến (có chính quyền địa phương tham dự) việc tổ chức được cấp phép thực hiện đóng cọc giám sát đường bờ. Theo quy định trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, tổ chức được cấp phép phối hợp chính quyền địa phương thực hiện giám sát đường bờ hàng tháng định kỳ và cung cấp kết quả thực hiện cho Sở

⁴ 7. Đơn đốc các tổ chức, cá nhân lắp đặt camera giám sát hoạt động khai thác khoáng sản, thực hiện thống kê sản lượng khai thác khoáng sản thực tế hàng năm theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTNMT, ngày 22/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

⁵ 4. Tiếp tục thực hiện các nội dung theo đề nghị của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam tại Văn bản số 2959/ĐCKS-KSMN, ngày 08/11/2019. Báo cáo và xin ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện việc ký hợp đồng thu đất có mặt nước để khai thác khoáng sản với các tổ chức, cá nhân đã được cấp phép khai thác cát lòng sông trên địa bàn tỉnh theo quy định. Hướng dẫn và đơn đốc các tổ chức, cá nhân đã được cấp phép khai thác cát lòng sông trên địa bàn tỉnh lắp đặt thiết bị giám sát hành trình và lưu trữ dữ liệu, thông tin về vị trí của phương tiện, thiết bị sử dụng để khai thác theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 9 Nghị định số 23/2020/NĐ-CP, ngày 24/02/2020 của Chính phủ.



khi tiến hành kiểm tra định kỳ. Giám sát việc thực hiện đo vẽ địa hình đáy sông do tổ chức được cấp phép tự thuê đơn vị có chức năng thực hiện và chịu trách nhiệm, định kỳ 06 tháng/lần (Đối với 03 mỏ cao tốc ở huyện Trà Ôn là 02 tháng/lần).

- Bên cạnh đó, Sở tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành các văn bản trong quản lý hoạt động khai thác, vận chuyển cát lòng sông, kiểm tra, xử lý vi phạm theo quy định, như: Chỉ thị số 05/CT-UBND, ngày 27/02/2024 về tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm đối với hoạt động khai thác, sử dụng khoáng sản cát sông trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 2523/QĐ-UBND, ngày 08/11/2023 về việc thành lập Ban chỉ đạo. Trong đó, Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng Ban, Giám đốc Công an tỉnh làm Phó Trưởng Ban thường trực và lãnh đạo các sở, ngành liên quan và lãnh đạo UBND huyện, thị xã, thành phố, thành lập các Chốt kiểm tra,... Trong đó, giao trách nhiệm cụ thể từng cơ quan, đơn vị và địa phương. Ngày 02/12/2024, UBND tỉnh có Công văn số 8063/UBND-KTNV giao Ban chỉ đạo theo Quyết định số 2523/QĐ-UBND, ngày 08/11/2023, UBND huyện, thị xã, thành phố tăng cường công tác kiểm tra, giám sát theo dõi giám sát khối lượng khai thác của các đơn vị khai thác.

- Kết quả kiểm tra, xác minh thực tế việc quản lý hoạt động khai thác đối với 04/14 tổ chức đang hoạt động khai thác cát lòng sông tại 05 mỏ cát:

(1) Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật VNCN E&C (02 khu vực mỏ):

+ Mỏ cát san lấp trên sông Hậu (nhánh trái) thuộc thị trấn Trà Ôn, xã Lục Sĩ Thành và xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn (theo Bản xác nhận số 02/XN-UBND, ngày 29/01/2024 của UBND tỉnh): 02 phương tiện khai thác đúng vị trí; có Giám đốc điều hành mỏ, lắp đặt camera trên phương tiện khai thác (camera hoạt động bình thường), lắp đặt GPS trên phương tiện khai thác và vận chuyển (phần mềm hoạt động bình thường); Công ty có thực hiện giám sát cọc đường bờ và được UBND cấp xã xác nhận; có lưu sổ sách tại phương tiện.

+ Mỏ cát san lấp trên sông Hậu (nhánh trái) thuộc xã Tích Thiện và xã Lục Sĩ Thành, huyện Trà Ôn (Bản xác nhận số 03/XN-UBND, ngày 07/02/2024): 01 phương tiện đang neo đậu không khai thác; đúng vị trí; có Giám đốc điều hành mỏ, lắp đặt camera trên phương tiện khai thác (camera hoạt động bình thường), lắp đặt GPS trên phương tiện khai thác và vận chuyển (phần mềm hoạt động bình thường); có thực hiện giám sát cọc đường bờ và được UBND cấp xã xác nhận; có lưu sổ sách tại phương tiện.

(2) Công ty Cổ phần Xây dựng và Lắp máy Trung Nam (01 khu vực mỏ) - Mỏ cát san lấp trên sông Hậu (nhánh trái) thuộc xã Thiện Mỹ và xã Lục Sĩ Thành, huyện Trà Ôn (theo Bản xác nhận số 01/XN-UBND, ngày 24/01/2024 của UBND tỉnh): Thời điểm xác minh tại khu vực mỏ không có phương tiện. Theo Công văn số 312/025/CV/TNE&C, ngày 01/4/2025 thì Công ty đã ngưng hoạt động từ ngày 01/4/2025 cho đến thời điểm kiểm tra. Lý do: Chất lượng cát khai thác tại mỏ quá nhiều bùn đất không đáp ứng chất lượng cho Dự án cao tốc. Công ty chuẩn bị lập thủ tục đóng cửa mỏ theo quy định.

(3) DNTN Tân Hiệp Phát III (01 khu vực mỏ) - Mỏ Chánh An thuộc xã An Phước và xã Chánh An, huyện Mang Thít (theo Giấy phép khai thác khoáng sản - gia hạn số 2030/GP-UBND, ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh): 02 phương tiện đang neo đậu không khai thác; đúng vị trí mỏ. Giám đốc điều hành mỏ cho biết đã ngưng hoạt động từ ngày 23/4/2025; có lắp đặt camera trên phương tiện khai thác (camera hoạt động bình thường), lắp đặt GPS trên phương tiện khai thác và vận chuyển, 04 phao; có thực hiện giám sát cọc đường bờ và được UBND cấp xã xác nhận và lưu sổ sách tại phương tiện.

(4) Công ty Cổ phần Sông Tiền Vĩnh Long (01 khu vực mỏ) - Mỏ Bình Hòa

Phước 2 thuộc xã Bình Hòa Phước, huyện Long Hồ và xã Mỹ An, huyện Mang Thít (theo Giấy phép khai thác khoáng sản gia hạn số 1607/GP-UBND, ngày 15/8/2024 của UBND tỉnh): 02 phương tiện đang neo đậu không khai thác; đúng vị trí; có Giám đốc điều hành mỏ, lắp đặt camera trên phương tiện khai thác, lắp đặt GPS trên phương tiện khai thác và vận chuyển, 04 phao, có thực hiện giám sát cọc đường bờ, được UBND cấp xã xác nhận và có lưu sổ sách tại phương tiện.

2.5.2. Việc quản lý hoạt động khai thác, vận chuyển khoáng sản (đất sét): Đất sét trên địa bàn tỉnh nằm rải rác, phân tán dưới lớp đất nông nghiệp (ruộng) với chiều dày tầng sét nhỏ, chủ yếu là tận thu sản phẩm đất sét kết hợp cải tạo mặt bằng đất nông nghiệp. Ngày 15/7/2013, UBND tỉnh ban hành Công văn số 1991/UBND-KTN giao cho UBND cấp huyện chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn lập Đề án cải tạo đất nông nghiệp, kết hợp tận thu đất sét..., giao Sở phối hợp với các ngành liên quan và UBND các huyện triển khai thực hiện.

2.5.3. Kết quả quản lý việc thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản (cát lòng sông):

Trong thời kỳ thanh tra, có 03 mỏ đã hoàn thành việc đóng cửa mỏ (năm 2021: 01 mỏ, năm 2022: 01 mỏ và năm 2024: 01 mỏ). Qua kiểm tra 03 hồ sơ, kết quả như sau:

- 03 hồ sơ đều có Đơn đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản/Giấy biên nhận hồ sơ và hện trả kết quả sau ngày Văn bản lấy ý kiến đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (cát sông) của Hội đồng thẩm định⁶. Từ đó, không thể đánh giá thời gian thực hiện cụ thể đối với 03 hồ sơ nêu trên.

- 03 hồ sơ chỉ có Bảng tổng hợp ý kiến của Hội đồng thẩm định, không có Tờ trình báo cáo tổng hợp ý kiến và Biên bản họp Hội đồng theo quy định.

2.6. Việc quản lý thu, nộp ngân sách các khoản thuế, phí, lệ phí.

2.6.1. Đối với tiền cấp quyền khai thác:

- Theo số liệu báo cáo 26 mỏ cát, trong đó 05/26 mỏ cát đã được phê duyệt tiền cấp quyền trước thời kỳ thanh tra (không thực hiện kiểm tra); trong thời kỳ thanh tra có 21/26 mỏ được phê duyệt cấp quyền, tổng số tiền được phê duyệt tiền cấp quyền là: 36.530.732.550 đồng với tổng trữ lượng được phê duyệt cấp quyền: 12.468.268 m³, tổng số tiền các tổ chức khai thác đã nộp 36.530.732.550 đồng.

(Kèm Biểu số 06-TCQ)

2.6.2. Đối với thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường: Đã tiến hành kiểm tra 26 mỏ cát trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

- Qua kiểm tra sản lượng khai thác kê khai nộp thuế, phí của người nộp thuế cho cơ quan thuế và đối chiếu sản lượng khai thác báo cáo với Sở, kết quả: Công ty CP ĐTXD Nguyễn Tông, năm 2020 sản lượng kê khai nộp thuế, phí là 0 m³, sản lượng báo cáo Sở là: 10.000 m³, chênh lệch: 10.000 m³. Qua làm việc, Công ty có văn bản giải trình số 01/GT ngày 13/05/2025, nguyên nhân là do năm 2019 thực tế khai thác chỉ có 16.600 m³, năm 2020 khai thác 10.000 m³ (hóa đơn xuất trong năm 2019), nên công ty đã kê khai nộp thuế trong năm 2019 là 26.600 m³, năm 2020 không kê khai nộp thuế. Đồng thời tại Biên bản làm việc của Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 2638/QĐ-STNMT ngày 17/08/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường, sản lượng khai thác thực tế năm 2019 là 26.600 m³ và 07 tháng đầu năm 2020 là 10.000 m³. Qua làm việc với Công ty, đã xác

⁶ Công ty TNHH Hùng Anh (Giấy biên nhận hồ sơ và hện trả kết quả số 21659/2021/TTPVHCC, ngày 16/9/2021; Công văn số 1600/HĐTĐ, ngày 17/5/2021); DNTNXD Lan Anh (Giấy biên nhận hồ sơ và hện trả kết quả số 22357/2022/TTPVHCC, ngày 24/6/2022; Công văn số 1334/HĐTĐ, ngày 18/4/2022); Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Thành Đô (Giấy biên nhận hồ sơ và hện trả kết quả số 13/240301/0003/TTPVHCC, ngày 01/3/2024; Công văn số 4880/HĐTĐ, ngày 15/11/2023)

nhận không kê khai nộp thuế, phí đối với sản lượng khai thác 10.000m^3 năm 2020 là không đúng theo quy định.

(Kèm Biểu số 07-SLKK)

- Về thuế tài nguyên: Trong giai đoạn thanh tra, đã tiến hành kiểm tra 26 mỏ cát hoạt động khai thác:

+ Tổng sản lượng đã kê khai nộp thuế: $4.742.748,034\text{ m}^3$.

+ Tổng giá trị kê khai nộp thuế: 51.647.790.410 đồng; Đã nộp: 51.496.105.530 đồng; Còn nợ: 151.684.880 đồng (DNTN Huỳnh Phát: 24.570.000 đồng; Công ty TNHH MTV XDTMDL Vàng: 62.721.000 đồng; Công ty TNHH Tân Phước Thành: 64.393.880 đồng).

(Kèm Biểu số 08-TTN)

- Về Phí bảo vệ môi trường: Trong giai đoạn thanh tra, đã tiến hành kiểm tra 26 mỏ cát hoạt động khai thác:

+ Tổng sản lượng kê khai nộp phí: $4.742.748,034\text{ m}^3$.

+ Tổng giá trị kê khai nộp phí: 21.142.006.550 đồng; Đã nộp: 20.904.647.350 đồng; Còn nợ: 237.359.200 đồng, cụ thể:

. Còn nợ theo kê khai: 162.705.600 đồng (Công ty TNHH Tân Phước Thành: 120.030.000 đồng; Công ty TNHH MTV XDTMDL Vàng: 30.663.600 đồng; DNTN Huỳnh Phát: 12.012.000 đồng);

. Kê khai thiếu so với quy định: 74.653.600 đồng, gồm: Công ty TNHH Tân Phước Thành, kê khai nộp phí thiếu số tiền là: 41.369.800 đồng do áp dụng sai hệ số khai thác lộ thiên ($K=1$), theo quy định $K=1,1$. Công ty TNHH Ngọc Sen Hương, kê khai nộp phí thiếu số tiền: 33.283.800 đồng, do kê khai mức thu phí cát san lấp năm 2024 là 4.000 đồng/m^3 , theo quy định là 6.000 đồng/m^3 .

(Kèm Biểu số 09-PBVM)

2.6.3. Tiền ký quỹ phục hồi môi trường. UBND tỉnh Vĩnh Long không có thành lập Quỹ bảo vệ môi trường (Quỹ BVMT); Quỹ BVMT Việt Nam thông báo thu, quản lý tiền ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định. Tổng số tiền ký quỹ phục hồi môi trường được phê duyệt: 10.417.551.151 đồng; Đã thực hiện ký quỹ: 10.112.678.692 đồng; Chưa ký quỹ số tiền: 304.872.459 đồng, trong đó: Mỏ cát Mỹ Phước (Công ty CP VLXD Vĩnh Long) ngưng hoạt động nên không ký quỹ lần 5 số tiền 17.495.708 đồng; còn lại số tiền: 287.376.751 đồng Công ty TNHH Ngọc Sen Hương không thực hiện ký quỹ (Kèm Biểu số 10-QBVM)

2.6.4. Tiền thuê đất có mặt nước.

- Trong thời kỳ thanh tra có 03 mỏ phục vụ cho dự án đường cao tốc Bắc-Nam phía đông giai đoạn 2021-2025 có thu tiền thuê đất có mặt nước theo hình thức tạm thu. Các mỏ còn lại không thực hiện thu tiền thuê đất, nội dung này đã được 02 Đoàn Kiểm tra theo Quyết định số 850/QĐ-ĐCKS ngày 11/10/2019 và Quyết định số 421/QĐ-ĐCKS ngày 14/7/2022 của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam⁷, chỉ ra thiếu sót và đã có chỉ đạo thực hiện tại Công văn số 2959/ĐCKS-KSMN ngày 08/11/2019 và Công văn số 3200/ĐCKS-KSMN ngày 21/10/2022 của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam⁸. Để thực hiện theo kiến nghị trên, UBND tỉnh có văn bản gửi Bộ Tài

⁷ Quyết định số 850/QĐ-ĐCKS ngày 11/10/2019 của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam kiểm tra công tác quản lý nhà nước về cát, sỏi lòng sông, trên địa bàn các tỉnh Vĩnh Long và Đồng Tháp; Quyết định số 421/QĐ-ĐCKS ngày 14/7/2022 của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam⁷ kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về khoáng sản trong hoạt động khai thác khoáng sản tại tỉnh Vĩnh Long

⁸ Công văn số 2959/ĐCKS-KSMN ngày 08/11/2019 về phối hợp, chỉ đạo trong công tác quản lý nhà nước về tài nguyên, khoáng sản và Công văn số 3200/ĐCKS-KSMN ngày 21/10/2022 của Tổng cục Địa

Nguyên và Môi trường tại Công văn số 5705/UBND-TH ngày 10/10/2023 về việc xin ý kiến trình tự, thủ tục thuê đất có mặt nước để khai thác cát sông trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Sở có văn bản gửi Bộ Tài Nguyên và Môi trường tại Công văn số 5159/STNMT ngày 02/12/2022 về việc xin ý kiến trình tự, thủ tục thuê đất có mặt nước để khai thác khoáng sản và Bến thủy nội địa, nhưng đến thời điểm thanh tra Bộ chưa có văn bản hướng dẫn, do đó Thanh tra không thực hiện kiểm tra đối với nội dung này.

- Tổng số thu tiền thuê đất mặt nước của 03 mỏ là: 6.709.541.499 đồng (Công ty Cổ phần xây dựng và lắp máy Trung Nam mỏ cát Xã Lục Sĩ Thành và xã Thiện Mỹ nộp theo Quyết định 2688/QĐ-UBND ngày 25/12/2024: 1.782.911.093; Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Kỹ thuật VNCN E&C mỏ cát Thị trấn Trà Ôn, xã Lục Sĩ Thành và xã Thiện Mỹ nộp theo Quyết định 2689/QĐ-UBND ngày 25/12/2024: 1.868.217.750 đồng; Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Kỹ thuật VNCN E&C mỏ cát Xã Lục Sĩ Thành và xã Tích Thiện nộp theo Quyết định 2690/QĐ-UBND ngày 25/12/2024: 3.058.412.499 đồng).

2.7. Việc khai thác mỏ khoáng sản VLXD phục vụ dự án hạ tầng giao thông quan trọng quốc gia.

Trong thời kỳ thanh tra, UBND tỉnh cấp 03 Bản xác nhận, để phục vụ Dự án cao tốc Cần Thơ - Cà Mau, gồm:

- Bản xác nhận số 01/XN-UBND ngày 24/01/2024 của UBND tỉnh xác nhận khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị, kế hoạch và bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường cung cấp cho Dự án đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 (mỏ cát san lấp trên sông Hậu (nhánh trái) thuộc xã Thiện Mỹ và xã Lục Sĩ Thành huyện Trà Ôn) do Công ty Cổ phần xây dựng và lắp máy Trung Nam thực hiện. Thời gian khai thác: 01 năm 04 tháng, kể từ ngày ký Bản xác nhận. Thực tế đến tháng 6/2024 mới tiến hành khai thác và đã ngưng hoạt động từ ngày 01/04/2025 theo Công văn của Công ty⁹.

- Bản xác nhận số 02/XN-UBND ngày 29/01/2024 UBND tỉnh xác nhận khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị, kế hoạch và bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường cung cấp cho Dự án đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 (mỏ cát san lấp trên sông Hậu (nhánh trái) thuộc thị trấn Trà Ôn, xã Lục Sĩ Thành và xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn) do Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Kỹ thuật VNCN E&C thực hiện. Thời gian khai thác: 12 tháng, kể từ ngày ký Bản xác nhận. Thực tế đến tháng 7/2024 mới tiến hành khai thác.

- Bản xác nhận số 03/XN-UBND ngày 07/02/2024 của UBND tỉnh xác nhận khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị, kế hoạch và bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường cung cấp cho Dự án đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 (mỏ cát san lấp trên sông Hậu (nhánh trái) thuộc xã Tích Thiện và xã Lục Sĩ Thành huyện Trà Ôn) do Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Kỹ thuật VNCN E&C thực hiện. Thời gian khai thác: 24 tháng, kể từ ngày ký Bản xác nhận. Thực tế đến tháng 5/2024 mới tiến hành khai thác.

chất và Khoáng sản Việt Nam⁸ về phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về khoáng sản và hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

⁹ Công văn số 312/2025/CV/TNE&C ngày 01/4/2025 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Lắp máy Trung Nam về việc tạm ngưng khai thác cát san lấp tại mỏ cát Vàm Trà Ôn 3 trên sông Hậu đoạn thuộc TT.Trà Ôn, xã Thiện Mỹ và Xã Lục Sĩ Thành, huyện Trà Ôn.

- Về thời gian thực hiện khai thác của Công ty Cổ phần xây dựng và lắp máy Trung Nam; Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Kỹ thuật VNCN E&C) đối với 03 mỏ cát không đúng với thời gian trong Bản xác nhận. Nguyên nhân là do người dân không đồng ý cho khai thác. Qua nhiều lần UBND tỉnh, chính quyền địa phương tổ chức tuyên truyền đối thoại với người dân, vận động, thuyết phục các hộ dân mới thống nhất cho khai thác. Cụ thể:

+ Ngày 22/5/2024 UBND tỉnh ban hành Quyết định số 964/QĐ-UBND thành lập Tổ tuyên truyền, vận động các hộ dân thuộc xã Thiện Mỹ, thị trấn Trà Ôn, xã Tích Thiện và xã Lục Sỹ Thành, huyện Trà Ôn, liên quan trong khu vực cấp giấy xác nhận khai thác cát sông cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Lắp máy Trung Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật VNCN E&C, phục vụ dự án thành phần đoạn Cần Thơ - Cà Mau, thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025.

+ Ngày 24/6/2024, UBND tỉnh ban hành Thông báo số 50/TB-UBND ý kiến chỉ đạo của Phó Chủ tịch UBND tỉnh đối với việc xem xét, giải quyết các vấn đề phát sinh trong việc bàn giao các mỏ cát cho nhà thầu khai thác.

2.8. Việc thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý hoạt động khoáng sản và công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện.

2.8.1. Việc thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý hoạt động khoáng sản.

* **Công khai, minh bạch các trình tự, thủ tục, thẩm quyền trong hoạt động quản lý khoáng sản cát sông.** Các trình tự, thủ tục, thẩm quyền trong hoạt động quản lý khoáng sản cát sông được công khai chung trên cổng thông tin điện tử của tỉnh và trang thông tin điện tử của Sở.

* **Công khai, minh bạch các hoạt động quản lý khoáng sản cát sông.** Qua thanh tra việc công khai có liên quan đến các lĩnh vực, kết quả như sau:

- Khu vực không đấu giá: Trong thời kỳ thanh tra UBND tỉnh ban hành 05 quyết định phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh, có thực hiện công khai trên cổng thông tin 01/05 quyết định (quyết định số 2658/QĐ-UBND ngày 19/12/2022), không công khai 04/05 quyết định.

- Công tác quy hoạch: Trong thời kỳ thanh tra, UBND tỉnh không có ban hành quyết định quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng cát lòng sông trên địa bàn tỉnh.

- Cấp giấy phép và giấy phép gia hạn.

+ Giấy phép thăm dò khoáng sản: Trong thời kỳ thanh tra có 08 giấy phép thăm dò được cấp, trong đó: 05/08 hồ sơ xin cấp giấy phép thăm dò có công khai trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh. 03/08 giấy phép thăm dò do đặc thù phục vụ cao tốc Sở không công khai thông tin về 03 hồ sơ cấp phép thăm dò này.

+ Giấy phép khai thác khoáng sản và giấy phép khai thác khoáng sản gia hạn: Trong thời kỳ thanh tra có: 02 giấy phép khai thác, 03 Bản xác nhận và 20 giấy phép khai thác gia hạn. Qua kiểm tra có 03 Bản xác nhận và 04/20 giấy phép khai thác khoáng sản gia hạn được thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Sở. Còn lại 02 giấy phép khai thác và 16/20 giấy phép gia hạn, Sở có công khai bằng Công văn số 3298/STNMT ngày 28/8/2018 gửi cho các tổ chức khai thác, theo đó những nội dung chính của Giấy phép khai thác được ghi đầy đủ trên bảng báo hiệu trên bờ tại khu vực khai thác.

- Hoạt động đóng cửa mỏ: Sở có cung cấp 03 hồ sơ về việc đóng cửa mỏ (Mỏ Chánh An - Quới Thiện của Công ty TNHH Hùng Anh; Mỏ Vàm Trà Ôn 2 của Công ty

DNTN xây dựng Lan Anh; Mỏ Phường 9 của Công ty CP tập đoàn XD Thành Đô). Cả 03 mỏ không thực hiện công khai thông báo đóng mỏ theo quy định.

- Ảnh hưởng môi trường: Có 24 mỏ đang hoạt động (02 giấy phép khai thác, 03 Bản xác nhận, 19 mỏ gia hạn) trong thời kỳ thanh tra, có 03 mỏ phục vụ cao tốc có thực hiện công khai thông tin về đánh giá tác động môi trường trước khi cấp phép khai thác trên cổng thông tin điện tử (gồm: Quyết định phê duyệt và Hội đồng thẩm định). Còn 02/05 mỏ cấp phép khai thác và 19/19 mỏ gia hạn giấy phép khai thác, Sở không công khai về thông tin tác động môi trường.

(Kèm Biểu số 11-CK)

2.8.2. Công tác thanh tra, kiểm tra trong quản lý hoạt động khoáng sản.

* Tình hình thanh tra, kiểm tra của cơ quan Bộ, ngành. Tại tỉnh Vĩnh Long đã được Thanh tra Chính phủ thanh tra 01 cuộc và Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam kiểm tra 02 cuộc, cụ thể:

- Đoàn Thanh tra theo Quyết định số 612/QĐ-TTTP, ngày 04/11/2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ. Kết luận thanh tra số 56/KL-TTTP, ngày 03/3/2025).

- Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 850/QĐ-ĐCKS, ngày 11/10/2019 của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam về kiểm tra công tác quản lý Nhà nước về cát, sỏi lòng sông trên địa bàn các tỉnh Vĩnh Long và Đồng Tháp.

- Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 421/QĐ-ĐCKS, ngày 14/7/2022 của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về khoáng sản trong hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

* Tình hình thanh tra, kiểm tra của địa phương. Trong thời kỳ thanh tra, Sở không có thực hiện thanh tra về quản lý khai thác khoáng sản, chỉ có tiến hành 08 cuộc kiểm tra theo kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm của Sở ban hành, kết quả như sau:

- Năm 2019: Sở có 03 cuộc kiểm tra và đã ban hành 26 kết luận kiểm tra đối với 26 tổ chức. Trong 26 kết luận kiểm tra có 21 kết luận kiểm tra có đề nghị “tổ chức thực hiện khai thác cát phục vụ công trình sử dụng ngân sách Nhà nước đúng theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 22 Nghị định 158/2016/NĐ-CP, Chỉ thị số 12/CT-UBND của UBND tỉnh, theo cam kết của tổ chức trong hồ sơ xin khai thác cát và theo Giấy phép đã cấp. Nếu tổ chức còn tiếp tục vi phạm nêu trên, Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ tham mưu UBND tỉnh xem xét thu hồi lại Giấy phép của tổ chức để đấu giá quyền khai thác theo quy định pháp luật (hoặc xem xét lại Giấy phép khai thác của tổ chức để xử lý theo quy định pháp luật)”.

- Năm 2020: Sở có tổ chức 01 cuộc kiểm tra và đoàn kiểm tra đã ban hành 17 kết luận kiểm tra đối với 17 tổ chức. Trong đó có 04 kết luận kiểm tra đối với 04 tổ chức (Kèm Biểu số 12-KT) không có đề nghị xử lý việc khai thác cát sông phục vụ công trình không đúng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 22 Nghị định 158/2016/NĐ-CP, Chỉ thị số 12/CT-UBND của UBND tỉnh Vĩnh Long. 04 tổ chức này trong năm 2019 Sở đã kiểm tra phát hiện vi phạm (có chấn chỉnh trong phần đề nghị của kết luận kiểm tra) nhưng không tham mưu báo cáo cho UBND tỉnh xử lý.

- Năm 2021: Theo kế hoạch có 10 tổ chức về khoáng sản được kiểm tra nhưng do tình hình đại dịch Covid 19 trên địa bàn tỉnh diễn ra phức tạp và thực hiện giãn cách xã hội nên Sở không có tổ chức đi kiểm tra.

- Năm 2022: Sở có 02 cuộc kiểm tra và ban hành 11 kết luận kiểm tra đối với 11 tổ chức.

- Năm 2023: Sở có 02 cuộc kiểm tra và ban hành 09 kết luận kiểm tra đối với 09 tổ chức.

- Năm 2024: Tính đến ngày 30/6/2024, Sở chưa tổ chức đi kiểm tra.

3. Kết luận.

3.1. Tình hình ban hành văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản hành chính để quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện. Sở có tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản để quản lý Nhà nước về tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh làm căn cứ để các sở, ngành, địa phương có cơ sở triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý đã được phân cấp. Việc tham mưu ban hành văn bản có thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 81 Luật Khoáng sản năm 2010.

3.2. Việc phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản VLXD; khoanh định, phê duyệt khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản VLXD.

Trong thời kỳ thanh tra, tỉnh Vĩnh Long không có ban hành quyết định quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng Khoáng sản VLXD; khoanh định, phê duyệt khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản VLXD, mà tiếp tục thực hiện quy hoạch tại Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 của UBND tỉnh. Ngày 31/12/2023 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1759/QĐ-TTg về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Vĩnh Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo đó lĩnh vực khoáng sản đã được tích hợp vào Quy hoạch này. UBND tỉnh giao các Sở, ngành theo chức năng nhiệm vụ triển khai thực hiện quyết định phê duyệt Quy hoạch tỉnh. Đến ngày 29/4/2025 Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 801/QĐ-UBND về việc kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhiệm vụ đánh giá, thăm dò trữ lượng cát lòng sông giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Khoanh định khu vực cấm hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

3.3. Việc cấp giấy phép và tình hình thực hiện theo giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản; cấp phép gia hạn, nâng công suất khai thác.

3.3.1 Việc cấp giấy phép và tình hình thực hiện theo giấy phép thăm dò.

Về hồ sơ, thủ tục và thẩm quyền cấp 08 giấy phép thăm dò khoáng sản thực hiện đúng theo quy định Luật Khoáng sản năm 2010, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; Nghị quyết số 60/2022/QH15, Nghị quyết số 43/2023/QH15, Nghị quyết số 44/2023/QH15, Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 08/9/2022, Công văn số 1411/BTNMT-ĐCKS ngày 18/3/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường phục vụ Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía đông giai đoạn 2021 - 2025 (Công văn số 1411/BTNMT-ĐCKS ngày 18/3/2022) và các Thông báo, Kết luận chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên 05/05 hồ sơ, Sở không thực hiện thông báo công khai tên tổ chức, cá nhân, tên loại khoáng sản và vị trí khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo đấu thầu là không đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 58 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP¹⁰. Trách nhiệm này thuộc về Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Trưởng phòng và công chức của Phòng Tài nguyên khoáng sản – Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn, thời kỳ 2019 - 2022.

3.3.2. Việc cấp giấy phép và tình hình thực hiện theo giấy khai thác khoáng sản.

¹⁰ Việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thực hiện như sau:

a) Khi nhận được hồ sơ của tổ chức, cá nhân đầu tiên có nhu cầu thăm dò khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ thông báo công khai tên tổ chức, cá nhân đó, tên loại khoáng sản và vị trí khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản tại trụ sở cơ quan và trên trang thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền cấp phép và hệ thống đấu thầu quốc gia, Báo đấu thầu.

- Về hồ sơ, thủ tục và thẩm quyền cấp 02 giấy phép khai thác khoáng sản thực hiện đúng theo quy định Luật Khoáng sản năm 2010, Nghị định 158/2016/NĐ-CP.

- Về nội dung trên giấy phép thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Khoáng sản năm 2010; khoản 1 Điều 9 Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính Phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông. Tuy nhiên 02/02 giấy phép khai thác khoáng sản cát lòng sông không xác định cát khai thác cung cấp cho công trình sử dụng ngân sách nhà nước (phát triển hạ tầng giao thông; công trình thủy lợi, thủy điện); công trình khắc phục thiên tai, dịch họa; khu vực có khoáng sản dùng làm vật liệu san lấp phục vụ công trình hạ tầng giao thông, công trình phúc lợi thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

- Tình hình thực hiện theo Giấy phép khai thác khoáng sản, nhận thấy 02 tổ chức được cấp giấy phép khai thác có thực hiện cung cấp cát theo cam kết trong đơn đề nghị cấp phép khai thác, chấp thuận của UBND tỉnh.

- Về hồ sơ, điều kiện, nội dung, thẩm quyền cấp Bản xác nhận thực hiện theo quy định tại Công văn số 1411/BTNMT-ĐCKS ngày 18/3/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội; Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội, các Công điện, văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

3.3.3. Việc cấp và tình hình thực hiện theo giấy phép khai thác khoáng sản gia hạn (20 giấy phép khai thác khoáng sản gia hạn).

- Trình tự, thủ tục hồ sơ, thẩm quyền cấp giấy khai thác khoáng sản gia hạn thực hiện theo quy định tại Luật Khoáng sản năm 2010 và Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

- Bên cạnh kết quả đạt được, trong quá trình thực hiện vẫn còn tồn tại những hạn chế và thực hiện không đúng theo quy định, cụ thể như sau:

+ 03/20 giấy phép khai thác khoáng sản gia hạn được cấp chậm so với quy định tại Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP (nguyên nhân chậm do khách quan khi tiếp nhận hồ sơ, Sở thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, cấp phép gia hạn; Thời điểm năm 2021 UBND tỉnh tập trung chỉ đạo công tác phòng chống dịch COVID-19 nên cũng làm ảnh hưởng việc xem xét cấp phép gia hạn).

+ Tại Điều 3 trong giấy phép khai thác khoáng sản gia hạn có nội dung “Định kỳ 6 tháng 1 lần kể từ ngày UBND tỉnh cấp phép gia hạn cho Công ty, doanh nghiệp, phải bổ sung cho Sở Tài nguyên và Môi trường hợp đồng cung cấp cát san lấp trong kỳ”. Các tổ chức đã cung cấp các hợp đồng cho Sở theo định kỳ 06 tháng/01 lần. Sở tiếp nhận hợp đồng nhưng không theo dõi, đối chiếu rà soát với sản lượng khai thác thực tế công ty báo cáo để theo dõi, quản lý và kịp thời chấn chỉnh, tham mưu UBND tỉnh xem xét xử lý, mà vẫn tiếp tục tham mưu UBND tỉnh cấp phép gia hạn khai thác khoáng sản, dẫn đến các tổ chức được cấp phép khai thác gia hạn đã thực hiện ký hợp đồng cung cấp cát san lấp cho các công trình không thuộc vốn ngân sách, bán lẻ trong và ngoài tỉnh không đúng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

+ Sở tham mưu UBND tỉnh tiếp tục gia hạn khai thác khoáng sản đối với 12 giấy phép (được cấp trước ngày 01/7/2011) hết hạn sau ngày 01/7/2011 là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 84 Luật Khoáng sản năm 2010. Tại khu vực khai thác của các giấy phép khai thác khoáng sản gia hạn được UBND tỉnh Quyết định phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản, nhưng không xác định phục vụ riêng công trình sử dụng ngân sách nhà nước (phát triển hạ tầng giao thông; công trình thủy lợi, thủy điện); công trình khắc phục thiên tai, dịch họa; khu vực có khoáng sản dùng làm vật liệu san lấp phục vụ công trình hạ tầng giao thông, công trình phúc lợi thuộc chương



trình xây dựng nông thôn mới là không đúng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP của Chính phủ. Nguyên nhân chủ yếu của vi phạm là do việc áp dụng quy định pháp luật của cơ quan tham mưu cho UBND tỉnh chưa chính xác, trong đó có nguyên nhân khách quan do Luật Khoáng sản năm 2010 có quy định về việc các giấy phép đã cấp trước ngày 01/7/2011 được hoạt động khai thác đến hết thời hạn trong giấy phép nhưng không có hướng dẫn thi hành cụ thể, trong khi Luật Khoáng sản và văn bản hướng dẫn thi hành có quy định về việc gia hạn giấy phép. Việc cấp gia hạn giấy phép khai thác cát nhưng không xác định phục cát khai thác phục vụ riêng công trình theo điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP và qua công tác kiểm tra (năm 2019, 2020) Sở đã phát hiện tổ chức khai thác có trường hợp cung cấp không đúng theo quy định (trong đó có tổ chức được kiểm tra 02 lần liên tiếp trong 02 năm 2019, 2020) nhưng không tham mưu, báo cáo UBND tỉnh xem xét chỉ đạo, xử lý khắc phục, dẫn đến một khối lượng cát được khai thác cung cấp ra thị trường (cung cấp công trình không thuộc vốn ngân sách Nhà nước). Mặc dù khối lượng cát khai thác cũng nhằm mục đích phục vụ cho nhu cầu của xã hội.

Trách nhiệm trên thuộc về Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Trưởng phòng và công chức của Phòng Tài nguyên khoáng sản - Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn, thời kỳ 2019 - 2024.

3.4. Việc tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản VLXD.

Sở đã tham mưu UBND tỉnh ban hành 05 quyết định phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh làm cơ sở cấp giấy phép thăm dò và giấy phép khai thác khoáng sản. Tuy nhiên có 02 giấy phép thăm dò (GP số 1804/GP-UBND ngày 08/7/2019 đối với DNTN Thanh Thắng; GP số 1805/GP-UBND ngày 08/7/2019 đối với Công ty TNHH Ngọc Sen Hương) và Giấy phép khai thác khoáng sản số 1506/GP-UBND ngày 17/6/2020 cấp cho Công ty TNHH Ngọc Sen Hương được cấp không qua đấu giá, nhưng tại khu vực thăm dò khoáng sản không được UBND tỉnh phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 78 Luật Khoáng sản năm 2010¹¹. Trách nhiệm này thuộc về Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Trưởng phòng và công chức của Phòng Tài nguyên khoáng sản - Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn, thời kỳ 2019 - 2020.

3.5. Việc quản lý hoạt động khai thác tại các mỏ khoáng sản VLXD, quản lý hoạt động vận chuyển khoáng sản VLXD trên địa bàn.

- Việc quản lý hoạt động khai thác, vận chuyển khoáng sản (cát lòng sông) theo Giấy phép đã cấp: Sở có tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định cấp phép quy định rõ về thời hạn khai thác, thời gian khai thác trong ngày (đối với mỏ cao tốc), độ sâu khai thác, trách nhiệm của tổ chức được cấp phép khai thác,...theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 23/2020/NĐ-CP, ngày 24/02/2020 của Chính phủ; khoản 2 Điều 13 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT, ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Đề nghị tổ chức được cấp phép nộp hồ sơ kết quả thực hiện cho Sở để giám sát như: Thực hiện nghĩa vụ tài chính, đóng cọc giám sát đường bờ, thả phao theo phương án an toàn giao thông, bàn giao khu vực mỏ, lắp đặt thiết bị giám sát hành trình và lưu trữ dữ liệu, thông tin về vị trí, hành trình di chuyển của phương tiện, thiết bị sử dụng để khai thác, vận chuyển cát (nhất là các mỏ cung cấp cho cao tốc, gia hạn cung cấp cho Vành đai 3 cấp từ năm 2024 cho đến nay).

¹¹ Đấu giá quyền khai thác khoáng sản thực hiện ở các khu vực hoạt động khoáng sản, trừ khu vực được cơ quan nhà nước có thẩm quyền khoanh định là khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Sở tham mưu quản lý Nhà nước về khoáng sản thông qua công tác kiểm tra định kỳ việc chấp hành quy định pháp luật về khoáng sản (thời hạn, sản lượng, công suất, việc thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường, an toàn lao động, việc thực hiện nghĩa vụ tài chính,...) đã được phê duyệt hàng năm theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 81 Luật Khoáng sản năm 2010.

- Việc lắp đặt thiết bị giám sát hành trình phương tiện khai thác, vận chuyển giúp cho Sở giám sát về vị trí khai thác, tuyến đường vận chuyển đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 9 Nghị định số 23/2020/NĐ-CP, ngày 24/02/2020 của Chính phủ và nội dung của Giấy phép UBND tỉnh cấp.

- Sở theo dõi về sản lượng, công suất khai thác thông qua báo cáo định kỳ hằng năm của tổ chức được cấp phép theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP. Đề nghị tổ chức được cấp phép thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản theo quyết định phê duyệt phương án cải tạo phục hồi môi trường và quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và theo dõi việc thực hiện đóng tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường.

- Sở giám sát việc thực hiện đo vẽ địa hình đáy sông do tổ chức được cấp phép tự thuê đơn vị có chức năng thực hiện và chịu trách nhiệm, định kỳ 06 tháng/lần (Đối với 03 mỏ cao tốc ở huyện Trà Ôn là 02 tháng/lần) theo quy định tại Thông tư số 17/2020/TT-BTNMT, ngày 24/12/2020 (trước đây là Thông tư số 02/2013/TT-BTNMT, ngày 01/3/2013).

- Kết quả quản lý việc thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản (cát lòng sông): Sở chưa thực hiện tốt việc tham mưu thực hiện thủ tục đóng cửa mỏ, cụ thể:

+ 03 hồ sơ đều có Đơn đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản/Giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả sau ngày Văn bản lấy ý kiến đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (cát sông) của Hội đồng thẩm định là không đúng quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT; Mục 10 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 684/QĐ-UBND, ngày 29/3/2019; Mục 13 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2336/QĐ-UBND, ngày 16/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long.

+ 03 hồ sơ không có Tờ trình báo cáo tổng hợp ý kiến và Biên bản họp Hội đồng, là không đúng quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 7 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT.

Trách nhiệm trên thuộc về Phòng Tài nguyên Khoáng sản - Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn, thời kỳ 2021- 6/2024.

3.6. Việc quản lý thu, nộp ngân sách các khoản thuế, phí, lệ phí.

- Đối với tiền cấp quyền khai thác: Sở thực hiện tham mưu và trình phê duyệt tiền cấp quyền khai thác, đồng thời gửi thông báo đến tổ chức/cá nhân và phối hợp với cơ quan thuế để tổ chức thu nộp tiền cấp quyền khai thác vào ngân sách nhà nước theo quy định. Việc tính tiền cấp quyền khai thác thực hiện theo quy định Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/07/2019 của Chính phủ; Nghị định số 118/NĐ-CP/2015 ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và thi hành một số điều của Luật đầu tư; Quyết định số 20/2017/QĐ-UBND ngày 15/8/2017 của UBND tỉnh về Ban hành giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh.

- Đối với thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường:

+ Việc tính thuế tài nguyên áp dụng theo Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ Tài chính; Quyết định số 20/2017/QĐ-UBND ngày 15/08/2017 của UBND tỉnh.

+ Việc tính phí bảo vệ môi trường áp dụng theo Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ; Nghị quyết số 124/2018/NQ-HĐND ngày 06/07/2018 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 12/12/2023 của HĐND tỉnh.



+ Bên cạnh kết quả đạt được, trong quá trình thực hiện còn tồn tại các hạn chế, vi phạm như sau:

. 01 tổ chức kê khai sản lượng nộp thuế, phí thấp hơn sản lượng khai thác báo cáo Sở (không kê khai nộp thuế, phí đối với sản lượng khai thác 10.000 m³ năm 2020). Việc để xảy ra các chênh lệch sản lượng kê khai nộp thuế và sản lượng khai thác thực tế báo cáo Sở do công tác phối hợp giữa Sở và cơ quan thuế thực hiện chưa tốt theo quy định quy định tại khoản 6 Điều 5 Thông tư số 152/2015/TT-BTC¹² ngày 02/10/2015 của Bộ Tài chính; Điều 10 Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ; Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/05/2023 của Chính phủ. Trách nhiệm này thuộc về Phòng Tài nguyên Khoáng sản - Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn (nay là Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên khoáng sản), thời kỳ 01/01/2019- 12/2021. Công ty CP ĐTXD Nguyễn Tông không kê khai nộp thuế, phí đối với sản lượng khai thác 10.000 m³ của năm 2020 là không đúng theo quy định tại Điều 17, Điều 143 Luật Quản lý thuế năm 2019.

. 03 tổ chức khai thác còn nợ thuế tài nguyên số tiền 151.684.880 đồng (DNTN Huỳnh Phát: 24.570.000 đồng; Công ty TNHH MTV XDTMDL Vàng: 62.721.000 đồng; Công ty TNHH Tân Phước Thành: 64.393.880 đồng) và 03 tổ chức khai thác còn nợ phí bảo vệ môi trường số tiền 162.705.600 đồng (Công ty TNHH Tân Phước Thành: 120.030.000 đồng; Công ty TNHH MTV XDTMDL Vàng: 30.663.600 đồng; DNTN Huỳnh Phát: 12.012.000 đồng).

. 02 tổ chức khai thác kê khai nộp phí không đúng theo quy định tại Điều 17, Điều 143 Luật Quản lý thuế năm 2019, dẫn đến kê khai thiếu số tiền 74.653.600 đồng (Công ty TNHH Tân Phước Thành: 41.369.800 đồng; Công ty TNHH Ngọc Sen Hương: 33.283.800 đồng).

- Đối với tiền ký quỹ phục hồi môi trường: Sở có thực hiện thẩm định hồ sơ và tham mưu UBND tỉnh phê duyệt quyết định tiền ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định. Tuy nhiên còn 01 tổ chức khai thác (Công ty TNHH Ngọc Sen Hương) không thực hiện ký quỹ số tiền: 287.376.751 đồng là không đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; trách nhiệm này thuộc về Công ty TNHH Ngọc Sen Hương.

3.7. Việc khai thác mỏ khoáng sản VLXD phục vụ dự án hạ tầng giao thông quan trọng quốc gia.

Trong thời kỳ thanh tra, UBND tỉnh cấp 03 Bản xác nhận để phục vụ Dự án cao tốc, thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 16/6/2021 của Chính phủ về việc áp dụng cơ chế đặc thù trong cấp phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường cung cấp cho Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2017- 2020.

3.8. Việc thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý hoạt động khoáng sản và công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện.

- UBND tỉnh không thực hiện công khai 04 quyết định phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh trên cổng thông tin là không đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP. Trách nhiệm thuộc về Văn phòng UBND tỉnh, thời kỳ 2020 - 2023.

¹² Cơ quan Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm đối chiếu sản lượng tài nguyên đã khai thác tại từng mỏ do đơn vị khai thác khai, nộp thuế với dữ liệu đã có tại cơ quan tài nguyên và môi trường; Trường hợp sản lượng khai thác không phù hợp sản lượng được phép khai thác ghi trên Giấy phép khai thác hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì cơ quan Tài nguyên và môi trường sẽ thực hiện các biện pháp nghiệp vụ để xác định sản lượng khai thác thực tế của đơn vị.

- Không thực hiện công khai thông tin về đánh giá tác động môi trường (02 mỏ cấp phép khai thác và 19 mỏ gia hạn giấy phép khai thác), trước khi cấp phép khai thác trên cổng thông tin điện tử là không đúng theo quy định tại Điều 131 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; Điều 34 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Trách nhiệm này thuộc về Chi cục Bảo vệ môi trường (nay là Chi cục Môi trường), thời kỳ 2020 - 2022.

- Trong thời kỳ thanh tra, Sở không có thực hiện thanh tra về quản lý khai thác khoáng sản. Công tác kiểm tra các tổ chức hoạt động khai thác cát sông có thực hiện đúng theo kế hoạch ban hành hàng năm của Sở. Tuy nhiên qua công tác kiểm tra (năm 2019, 2020) Sở đã phát hiện tổ chức khai thác có trường hợp cung cấp không đúng theo quy định nhưng không tham mưu, báo cáo UBND tỉnh xem xét chỉ đạo, xử lý khắc phục. Trách nhiệm này thuộc về Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Trưởng Đoàn kiểm tra.

4. Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đã áp dụng (nếu có).

5. Kiến nghị các biện pháp xử lý.

5.1. Xử lý hành chính

5.1.1. Kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tổ chức kiểm điểm và xử lý trách nhiệm đối với ông Nguyễn Văn Hiếu - Nguyên Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, thời kỳ 01/01/2019 – 6/2024 có khuyết điểm, vi phạm như không thực hiện thông báo công khai tên tổ chức, cá nhân, tên loại khoáng sản và vị trí khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo đấu thầu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 58 Nghị định 158/2016/NĐ-CP; tham mưu cấp 01 giấy phép khai thác tại khu vực cấp phép không được Quyết định phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản không đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 78 Luật Khoáng sản năm 2010; tham mưu tiếp tục gia hạn giấy phép không đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 84 Luật Khoáng sản năm 2010 và việc tham mưu cấp phép gia hạn khai thác tại các khu vực đã khoanh định thuộc khu vực không đấu giá quyền khai thác nhưng không xác định cung cấp riêng cho các công trình theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định 158/2016/NĐ-CP, dẫn đến các tổ chức khai thác cung cấp cát ra thị trường và các vi phạm thanh tra đã kết luận. Quá trình kiểm điểm, xử lý nếu phát hiện dấu hiệu tội phạm thì chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra xem xét, xử lý theo quy định.

- Chỉ đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chấn chỉnh, rút kinh nghiệm, đảm bảo thực hiện công khai các quyết định phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản đúng theo quy định.

- Chỉ đạo Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các nội dung sau:

+ Rà soát các giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đã cấp và gia hạn trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật khoáng sản năm 2010, xem xét tham mưu UBND tỉnh thu hồi các giấy phép còn hiệu lực hoạt động (ngoại trừ các giấy phép được xác định cung cấp cho các công trình theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP) hoặc điều chỉnh giấy phép (nếu đủ điều kiện theo quy định) nhằm đảm bảo cung cấp cho các công trình đúng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP của Chính phủ, Luật Khoáng sản năm 2010 và các quy định pháp luật hiện hành.

+ Rà soát thủ tục, điều kiện theo quy định đối với giấy phép khai thác khoáng sản số 1506/GP-UBND ngày 17/6/2020 cấp cho Công ty TNHH Ngọc Sen Hương (tại khu vực cấp phép không được Quyết định phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản). Xem xét, tham mưu đề xuất UBND tỉnh chấn chỉnh, xử lý đúng theo quy định của pháp luật.

+ Khẩn trương hoàn thành và tham mưu UBND tỉnh đánh giá, thăm dò trữ lượng cát lòng sông giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Khoanh định khu vực cấm hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long làm cơ sở để xem xét cấp phép khai thác theo quy định của Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024.

+ Phối hợp với Thuế tỉnh Vĩnh Long để đối chiếu số liệu khai thác thực tế với sản lượng khai báo, đảm bảo tính chính xác và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, phí theo quy định.

+ Thường xuyên giám sát, kiểm tra quá trình khai thác, trữ lượng cát và khối lượng cát khai thác thực tế của các tổ chức được cấp phép khai thác trên địa bàn tỉnh.

- Giao Thuế tỉnh Vĩnh Long thực hiện các nội dung sau:

+ Rà soát và xử lý nghiêm các trường hợp không kê khai nộp thuế, kê khai sai hệ số khai thác và mức thu phí, đảm bảo đúng quy định tại Điều 17 và Điều 143 Luật Quản lý thuế năm 2019, làm rõ trách nhiệm và áp dụng các biện pháp xử lý theo đúng quy định pháp luật hiện hành, cụ thể:

. Kê khai nộp phí sai, dẫn đến kê khai thiếu phí BVMT, số tiền 74.653.600 đồng (trong đó: Công ty TNHH Tân Phước Thành: 41.369.800 đồng; Công ty TNHH Ngọc Sen Hương: 33.283.800 đồng).

. Không kê khai nộp thuế, phí đối với sản lượng khai thác 10.000m³ năm 2020 của Công ty CP ĐTXD Nguyễn Tông.

+ Đôn đốc thu nợ thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường và tiền ký quỹ phục hồi môi trường, đồng thời xác minh nguyên nhân nợ, xử lý theo đúng quy định.

+ Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường để đối chiếu số liệu khai thác thực tế với sản lượng khai báo, đảm bảo tính chính xác và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, phí đúng theo quy định.

5.1.2. Kiến nghị Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Tổ chức kiểm điểm trách nhiệm đối với Trưởng phòng và công chức của phòng Tài nguyên Khoáng sản, Tài nguyên nước, Thủy văn thời kỳ 01/01/2019 – 30/6/2024 do không tham mưu thông báo công khai tên tổ chức, cá nhân, tên loại khoáng sản và vị trí khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo đấu thầu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 58 Nghị định 158/2016/NĐ-CP; tham mưu cấp 01 giấy phép khai thác tại khu vực cấp phép không được Quyết định phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản không đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 78 Luật Khoáng sản năm 2010; tham mưu tiếp tục gia hạn giấy phép không đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 84 Luật Khoáng sản năm 2010 và việc tham mưu cấp phép gia hạn khai thác tại các khu vực đã khoanh định thuộc khu vực không đấu giá quyền khai thác nhưng không xác định cung cấp riêng cho các công trình theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định 158/2016/NĐ-CP và các vi phạm thanh tra đã kết luận.

- Kiểm điểm trách nhiệm đối với Trưởng đoàn kiểm tra do không tham mưu Giám đốc Sở (giai đoạn 2019 - 2020) xem xét, xử lý và báo cáo việc cung cấp cát sông không đúng theo quy định.

- Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm đối với Chi cục Bảo vệ môi trường (nay là Chi cục Môi trường), giai đoạn 2020 – 2022 do không tham mưu công khai đầy đủ theo quy định.

- Chỉ đạo bộ phận chuyên môn rà soát, khắc phục ngay đối với những khuyết điểm, vi phạm thanh tra đã kết luận. Tăng cường công tác quản lý về cấp phép, khai thác và vận chuyển hoạt động khai thác cát lòng sông và kiểm tra việc chấp hành giấy phép khai thác khoáng sản; kịp thời xử lý các vi phạm đúng theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với Thuế tỉnh Vĩnh Long thực hiện theo dõi, đôn đốc việc thu, nộp ngân sách các khoản thuế, phí đúng theo quy định.

- Thường xuyên rà soát, theo dõi các tổ chức chưa thực hiện ký quỹ hoặc nợ tiền ký quỹ, phối hợp với cơ quan thuế và Quỹ BVMT Việt Nam để đôn đốc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Kết luận và các kiến nghị xử lý của Thanh tra tỉnh Vĩnh Long, đề nghị Giám đốc sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long tổ chức thực hiện trong thời gian 15 ngày kể từ ngày công khai Kết luận thanh tra và báo cáo kết quả thực hiện bằng văn bản gửi về Thanh tra tỉnh Vĩnh Long. Thanh tra tỉnh giao Phòng Giám sát, thẩm định, theo dõi, đôn đốc và Xử lý sau thanh tra theo dõi, đôn đốc kiểm tra việc thực hiện Kết luận thanh tra theo quy định của Pháp Luật về thanh tra. / *rued*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Vĩnh Long;
- Ban lãnh đạo Thanh tra tỉnh;
- Sở NN&MT tỉnh Vĩnh Long;
- Thanh tra Chính phủ (báo cáo);
- UBKT Tỉnh ủy (báo cáo);
- Ban Nội chính Tỉnh ủy (báo cáo);
- Lưu: VT, ĐTT. *rued*



Lê Đồng Khởi